

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 05-5-2021.

V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khiêng Sóc

Bà Ché Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thái Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Náng N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 7, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Chau B, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 7, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Phiên dịch tiếng Khmer:* Ông Chau S, cán bộ trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang – Chi nhánh số 02 huyện Tri Tôn (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 17-11-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Néang N trình bày: Bà và ông Chau BonN qua quá trình tự tìm hiểu nhau nên bà cùng ông Chau B đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 15-5-2009 tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn bà và ông Chau B sống hạnh phúc nhưng khoảng từ năm 2015, ông Chau B không quan tâm đến vợ, con. Ông Chau B thường xuyên nhậu nhẹt và nhiều lần bạo hành gia đình đánh đập bà, đã có lần ông Chau B đánh đập bà gây thương tích phải nhập viện cấp cứu. Từ những mâu thuẫn đó nên bà và ông Chau B đã sống ly thân kể từ ngày 23 tháng 02 năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng cùng ông Chau B, bà xin ly hôn với ông Chau B.

Về con chung: Có 2 con chung tên Neáng Srây N, sinh ngày 02-5-2010 và Neáng Sóc B, sinh ngày 25-10-2015. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi hai con tên Neáng Srây N và Náng Sóc B, bà không yêu cầu ông Chau B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Chau B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Chau B Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Chau B để tham gia tố tụng nhưng ông vắng mặt không rõ lý do, nên không tiếp nhận lời khai của ông Chau B

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà Neáng N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Chau B yêu cầu về con chung; tài sản chung: Bà và ông Chau B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Chau B Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Chau B để tham gia tố tụng nhưng ông Chau B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70 BLTTDS. Tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Bà N và ông B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, huyện Tri Tôn được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống ông B có hành vi bạo lực gia đình là đánh đập bà N, không quan tâm và có trách nhiệm chăm lo đời sống cho vợ con, mọi chi phí sinh hoạt đều do bà N gánh vác, thời gian ly thân đã lâu nhưng ông BonN vẫn không đến gặp bà N để hàn gắn tình cảm điều này chứng tỏ

hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông B vẫn còn thường trú tại địa phương, đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng không có ý kiến gì về hôn nhân, con chung, điều này chứng tỏ ông BonN không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N xin ly hôn với ông BonN là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Néang Srây N, sinh ngày 02-5-2010 và Néang Sóc B, sinh ngày 25-10-2015. Bà N yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện nay các bé do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt và các bé có nguyện vọng sống với mẹ, để tránh xáo trộn cuộc sống và tâm lý của các bé. Yêu cầu của bà N về nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà và ông Chau B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà N, bà N được ly hôn với ông BonN.

Về con chung: Giao 02 cháu N và B cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Bà N phải chịu án phí HNST 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Chau B cư trú tại tổ 4, ấp Tô Trung, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Chau B có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Chau B

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Chau B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 15-5-2009 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên giữa ông và bà sau khi kết hôn, do phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính bà N cho rằng ông BonN không quan tâm chăm sóc gia đình, ông BonN thường xuyên nhậu nhẹt và có hành vi bạo lực

gia đình, đánh đập bà, mặc dù bà đã nhiều lần hàn gắn. Bà Néang N và ông Chau B đã ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Nay bà Náng N xin ly hôn ông Chau B.

Quá trình tố tụng của Tòa án, cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Chau B, nhằm đảm bảo quyền lợi của ông Chau B theo quy định của pháp luật để ông Chau B được trình bày ý kiến, nhưng ông Chau B vắng mặt và ông có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà N. Do vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Chau B.

Tại biên bản xác minh ngày 06-01-2021 ban ấp Tô Trung, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Chau B và bà Néang N không hòa hợp, ông Chau B nhiều lần đánh đập bà Náng N.

Hội đồng xét xử nhận thấy Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết cuộc sống gia đình, tuy nhiên giữa bà N và ông Chau B không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, giữa bà N và ông B không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình, đã ly thân từ năm 2019 đến nay, nhưng từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà và ông Chau B rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà về việc yêu cầu ly hôn với ông Chau B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 2 con chung tên Náng Srây N, sinh ngày 02-5-2010 và Néang Sóc B, sinh ngày 25-10-2015. Sau khi ly hôn bà N có nguyện vọng nuôi hai con chung tên Náng Srây N và Náng Sóc B, bà không yêu cầu ông Chau B cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhằm ghi nhận ý kiến ông Chau B nhưng ông Chau B vắng mặt. Tại phiên tòa bà vẫn xin được nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà N và ông B ly thân đến nay, Náng Srây N và Náng Sóc B đều do bà chăm sóc, nuôi dưỡng, bên cạnh đó nguyện vọng của cháu N và B là muốn được sống cùng mẹ bà sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, nhằm tạo điều kiện sự phát triển toàn diện các cháu, tránh xáo trộn đời sống tâm lý của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu Néang Srây N, sinh ngày 02-5-2010 và Náng Sóc B, sinh ngày 25-10-2015 cho bà tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Néang N không yêu cầu ông Chau B cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Néang N và ông Chau B khai tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Neáng N và ông Chau B khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Neáng N là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Neáng N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Neáng N được ly hôn với ông Chau B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53/GKH, ngày 15 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao 02 cháu Neáng Srây N, sinh ngày 02-5-2010 và Neáng Sóc B, sinh ngày 25-10-2015 cho bà Neang N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Chau BonN không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Neáng N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Neáng N đã nộp theo biên lai thu số 0000592 ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Nữ Ngọc Lan